TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH** Bản án số: 32/2023/HNGĐ- ST Ngày 22/8/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" và "tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Cao Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: bà Phạm Thu Huyền - kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2023, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 134– HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lường Thị T chỉ: tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Trần Thị Kim C và bà Phạm Thị L – Luật sư Công ty L2; địa chỉ: số E, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Cả hai luật sư có mặt.

- **Bị đơn**: anh Hà Mạnh T1 địa chỉ: tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng N(A); địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Bùi Thanh H; nơi làm việc: Ngân hàng N – Chi nhánh C1; địa chỉ: số B, phố B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền số 15/UQ-NHNo.CP ngày 05/01/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại hồ sơ nguyên đơn chị Lường Thị T2 trình bày: chị kết hôn với anh Hà Mạnh T1 vào năm 2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại tổ C, khu M, phường C. Đến năm 2017 thì chuyển về sinh sống tại tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Chị và anh T1 chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng tính cách, hai bên không quan tâm lẫn nhau, việc ai người lấy làm. Vợ chồng có cảm giác không còn tình cảm yêu thương dành cho nhau. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được.

Năm 2018 chị đã nộp đơn khởi kiện tới Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xin ly hôn với anh T1 nhưng anh T1 hứa sẽ sửa đổi, vì các con nên chị đã cho anh T1 cơ hội và rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên cho đến nay anh T1 vẫn không thay đổi, cuộc sống gia đình ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện chị và anh T1 đã sống ly thân 02 năm nay, trong quá trình sống ly thân anh T1 vẫn đến đánh đập, gây thương tích cho chị và bị Công an phường C xử phạt hành chính. Xét tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Mạnh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có hai con chung là: Hà Gia H1, sinh ngày 09/11/2009 và Hà Tuấn H2, sinh ngày 15/7/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Hà Mạnh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung:

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T1 tạo lập được khối tài sản sau: Quyền sử dụng 80 m^2 đất tại tổ F, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 613950, số vào sổ cấp GCN: CH 000157 ngày 19/4/2016. Chị và anh T1 có xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng. Nhà và đất đang thế chấp tại Ngân hàng N - chi nhánh thành phố C1, tỉnh Quảng Ninh. Chị đã xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung là nhà, đất nêu trên.

- 01 chiếc ô tô, nhãn hiệu Ford Ranger. Loại xe bán tải. Biển số xe 14C - 341.60 đăng ký xe mang tên Hà Mạnh T1, hiện anh T1 đang sử dụng. Chiếc xe trên anh T1 sử dụng từ khi mua đến nay, chị không có nhu cầu sử dụng xe, chị

đề nghị Toà án chia tài sản chung là xe ô tô nêu trên, chị muốn để anh T1 tiếp tục sử dụng xe và thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho chị.

Về vay, nợ chung:

- Ngày 21/4/2022, chị và anh T1 có vay của Ngân hàng N - chi nhánh C1 theo hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Chị và anh T1 đã trả gốc số tiền: 119.900.000 đồng; trả 52.439.656 đồng tiền lãi; tổng số tiền đã trả: 172.339.646 đồng. Tổng dư nợ đến thời điểm hiện tại là: 390.275.577 đồng. Chị yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hà Mạnh T1 trình bày: về hoàn cảnh kết hôn đúng như chị T2 trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn nên chị T2 xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị T2 có 02 con chung như chị T2 trình bày. Quan điểm của anh về việc nuôi con chung như sau: anh tôn trọng nguyện vọng của các con. Trường hợp anh nuôi 02 con anh không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T2 nuôi 02 con anh cũng không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: anh và chị T2 có khối tài sản chung gồm: 01 nhà 2,5 tầng xây trên diện tích đất 80m2 tại tổ F, khu B, phường C, C được UBND phường C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sô BE 613950 vào số số CH000157 ngày 19/4/2016, nhà đất đang thế chấp để vay tiền ngân hàng Nông nghiệp; 01 xe ô tô Ford ranger, loại xe bán tải biển số 14C-34160 đăng ký xe mang tên Hà Mạnh T1. Về nhà, đất chị T2 đã rút yêu cầu chia, anh không ý kiến gì. Còn về chiếc xe ô tô anh yêu cầu chị T2 chứng minh về việc đóng góp tiền để mua xe. Xe 14C - 341.60 từ khi mua đến nay anh là người quản lý, sử dụng.

Về số nợ ngân hàng: anh và chị Lường Thị T3 ngân hàng nông nghiệp theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224số tiền vay là 500000000500,000,000(Năm trăm triệu đồngAnh và chị T2 đã trả được một phần, nay vợ chồng ly hôn mỗi người trả một nửa dư nợ.

Đại diện ngân hàng N trình bày: 21/4/2022 anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T4 của ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224 số tiền vay là 500000000500.000.000(Năm trăm triệu đồngcho mục đích: mua xe ô tô Thời hạn vay 60 thángLãi suất tại thời điểm cấp tín dụng: 9%/năm, lãi suất quá hạn 13.5%; Lãi suất tại thời điểm hiện tại: 11.5%/năm, lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 500000000500.000.000(Năm trăm triệu đồng cho anh Hà Mạnh T5 Lường Thị T2. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T1, chị T2 đã trả cho ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi là 172.339.646 đồng. Hiện còn nợ 10.175.577 đồng tiền lãi và 380.100.000 đồng tiền gốc, tổng nợ là: 390.275.577 đồng (ba trăm chín mươi triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Biện pháp bảo đảm:

Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất 80 m2 đất và nhà ở 02 tầng xây dựng gắn liền trên đấttổ F, khu B, phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng NinhGiấy tờ về tài sản: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BE 613950 số vào sổ cấp GCN:CH000157 do UBND Thành phố C cấp ngày 19/04/2016 chủ sở hữu tài sản: anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T6 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 21/04/2022được Văn phòng C2 thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C theo quy định.

Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 28/12/2022.

Ngân hàng N (A) đề nghị Q Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết nội dung sau:

Đề nghị Toà án tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224ngày 21/4/2022 giữa Ngân hàng N (A) với anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị Trình

Buộc anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T7 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 22/8/2023390.275.577 đồng) trong đó: nợ gốc: 420900000380.100.000nợ lãi: 10.175.577 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 9.961.988 đồng; lãi quá hạn: 213.589 đồng.

Buộc anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T7 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224LD Ngày_ký_HDTD 21/04/2022kể từ sau ngày tiếp theo của ngày Toà án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T8 hết nợ cho Ngân hàng N.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên vay không thực hiện hoặc việc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 21/04/2022là 01 nhà 02 tầng 01 tum trên diện tích đất 80 m2 theo Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất số 14a, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 613950, số vào sổ cấp GCN: CH 000157 ngày 19/4/2016 mang tên Hà Mạnh T1 và Lường Thị T2, địa chỉ: tổ F, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐTC ngày 21/4/2022 và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay như nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Bên vay là anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T7 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ đảm bảo Điều 97 BLTTDS và thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo Điều 203 BLTTDS. Thư ký thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS. Các văn bản tố tụng đã được giao, tống đạt, niêm yết cho đương sự hợp lệ.Thành phần Hội đồng xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung: khoản 1 Điều 56,81,82,83,29,33,37,59 Luật hôn nhân và gia đình: công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T1, chị T2 tại phiên toà.

- Về con chung: đề nghị giao cả hai con chung cho chị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hà Mạnh T1 không phải cấp dưỡng cho con và có quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: 01 ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 14C-341.60 mang tên Hà Mạnh T1 trị giá: 780.644.614 đồng. Hiện chiếc xe trên do anh T1 trực tiếp quản lý, sử dụng. Anh T1 được sở hữu chiếc xe trên và có trách nhiệm trả chị T2 số tiền 390.322.307 đồng.

- Vay nợ chung: anh T1 và chị T2 có 01 khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng 8010LAV202200224 ngày 21/4/2022 với ngân hàng Agribank thành phố A, dư nợ tính đến ngày 22/8/2023 là 390.275.577 đồng. Căn cứ Điều 290, 303, 318, 319,320, 323, 357,428, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16.6.2010 buộc anh T1, chị T2 có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng A theo hợp đồng và lãi suất phát sinh. Trường hợp, anh T1 và chị T2 không thực hiện thì Ngân hàng A chi nhánh C1 có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp và sau khi phát mãi tài sản xong nếu còn nợ Ngân hàng A chi nhánh C1 thì anh T1, chị T2 mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ còn lại.

- Chị T2 đã rút yêu cầu chia tài sản đối với ngôi nhà và mảnh đất đang thế chấp tại Ngân hàng A nên đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự tranh chấp về Hôn nhân và gia đình và tranh chấp hợp đồng tín dụng có hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lường Thị t **xin rút yêu cầu** về việc chia tài sản chung là nhà, đất của vợ chồng, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần đã rút.

[2] Về nội dung: hôn nhân giữa chị Lường Thị T2 và anh H mạnh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm: mâu thuẫn giữa chị Lường Thị T2 và anh Hà Mạnh T1 kéo dài nhiều năm, tại phiên toà chị T2, anh T1 thống nhất thuận tình ly hôn nên công nhận sự thoả thuận của đương sự.

Về con chung: chị Lường Thị T2 và anh Hà Mạnh T1 có 02 con chung. Anh T1 có quan điểm theo nguyện vọng của con, cả 2 con chung đều mong muốn được ở với chị T2 sau khi bố mẹ ly hôn. Chị T2 xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận quan điểm của chị T2 về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: đối với yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, xe ô tô trên hiện anh T1 đang sử dụng.Tại biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2023 xác định giá trị chiếc xe nhãn hiệu Ford Ranger trị giá: 780.644.614 đồng (bảy trăm tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Về công sức tạo dựng tài sản chung là chiếc xe trên: tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224 ngày 21/4/2022 thể hiện mục đích mua xe ô tô, trách nhiệm trả nợ thuộc về cả hai vợ chồng nên anh chị T2, T1 có đóng góp công sức ngang nhau: nên chấp nhận yêu cầu của chị T2 về việc chia tài sản chung là chiếc ô tô trên. Xét nhu cầu sử dụng ô tô nên giao cho anh T1 sở hữu là phù hợp và buộc anh T1 thanh toán ½ giá trị công sức cho chị T2.

Về vay nợ chung: Xét về việc giao kết HĐTD 8010LAV202200224, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐTC ngày 21/4/2022 do các bên tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các quy chế, quy định của Ngân hàng N1 và Ngân hàng A; các tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định 21/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/3/2021 về quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vì vậy các hợp đồng trên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Chị T2, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/12/2022 nên khoản nợ trên đã chuyển nợ quá hạn, cùng với việc chị T2 khởi kiện ly hôn có yêu cầu chia khoản nợ trên, Ngân hàng A có yêu cầu độc lập đề nghị chấm dứt hợp đồng tín dụng và đòi lại toàn bộ tiền gốc và lãi là có cơ sở xem xét .

Về nghĩa vụ trả nợ: tính đến ngày 22/8/2023 anh chị T2, T1 nợ ngân hàng A số tiền là 390.275.577 đồng, trong đó có 380.100.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi; số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn được tính phù hợp với các bên thoả thuận và quy định của pháp luật nên chấp nhận theo yêu cầu ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Các đương sự đều thừa nhận tại phiên toà về việc tài sản là nhà, đất tại thời điểm Toà án xem xét, thẩm định tại chỗ và

thời điểm thế chấp là không thay đổi. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản bảo đảm nếu anh chị T2, T1 không trả được khoản vay trên.

Về nghĩa vụ trả nợ: anh Hà Mạnh T1 và chị L1 chị T2 phải chịu nghĩa vụ theo phần, mỗi người trả ½ khoản nợ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: chị Lường Thị Trình tự n chịu chi phí thẩm định xem xét tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí: chị Lường Thị T2 phải chịu án phí ly hôn. Chị T2 và anh T1 phải chịu án phí chia tài sản chung vợ chồng tương ứng với phần tài sản được hưởng và án phí nghĩa vụ về tài sản chung. Chị T2 được trả lại phần án phí đối với phần tài sản xin rút.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 29, 33, 37, 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2,4 Điều 147; 157; 164; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, 303, 318, 319,320, 323, 357, 428, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16.6.2010; Điều 7,8 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đình chỉ một phần xét xử về việc chia tài sản chung là nhà, đất theo yêu cầu của chị Lường Thị T2.

Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị T2 và anh Hà Mạnh T1.

Về con chung: Giao cho chị Lường Thị T2 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Hà Gia H1, sinh ngày 09/11/2009 và Hà Tuấn H2, sinh ngày 15/7/2014. Anh Hà Mạnh T1 không phải cấp dưỡng cho con và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho anh Hà Mạnh T1 được quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 14C-341.60, số khung: Rl 2LMFF40NYR 18123, số máy YM2PQNY18123 mang tên Hà Mạnh T1 trị giá: 780.644.614 đồng (bảy trăm tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

Buộc anh Hà Mạnh T1 phải thanh toán tiền chệnh lệch tài sản chung cho chị L1 thị Trình 390.322.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Lường Thị T2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng anh Hà Mạnh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về chi phí tố tụng: Chị Lường Thị Trình t1 nguyên chịu chi phí thẩm định 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và chi phí định giá tài sản 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng). Trả lại chị L1 chị T2 số tiền 6.400.000 đồng(sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 01/2023/TB-TA ngày 30/3/2023.

Về vay nợ chung:

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N (A) chấm dứt hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224ngày 21/4/2022 giữa Ngân hàng A với anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T2.

Về nghĩa vụ trả nợ: buộc chị Lường Thị T2, anh Hà Mạnh T1 mỗi người phải thực hiện ½ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng 8010LAV202200224ngày 21/4/2022 tính đến ngày xét xử 22/8/2023 và lãi suất phát sinh sau xét xử, cụ thể như sau:

Buộc anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T9 hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền: 390.275.577 đồng (ba trăm chín mươi triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 380.100.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu, một trăm nghìn đồng), nợ lãi: 10.175.577 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) chia theo phần: anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T2 mỗi người phải trả: 195.137.788 đồng (một trăm chín mươi năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng).

Buộc anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV202200224 ngày 21/04/2022cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này cho Ngân hàng N.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lường Thị T2 và anh Hà Mạnh T1 không thực hiện nghĩa vụ

thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV202200224thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất số: 01/HĐTC ngày 21/4/2022 .Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất 80m^2 đất ở và ngôi nhà cấp 02 tầng 01 tum tại thửa đất số 14a, tờ bản đồ số 09, tại tổ F, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BE 613950, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH000157 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19/4/2016 mang tên Hà Mạnh T1 và Lường Thị T2. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì chị Lường Thị T2 và anh Hà Mạnh T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T10 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV20220022421/04/2022đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Anh Hà Mạnh T1 và chị Lường Thị T11 người phải thực hiện ½ nghĩa vụ.

Về án phí: Chị Lường Thị T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; 17.612.800 đồng (mười bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm đồng) án phía chia tài sản chung; 9.756.889 đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) tiền án phí thực hiện nghĩa vụ; chị T2 được trả lại số tiền 6.136.700 đồng (sáu triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T2 đã nộp 23.749.500 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) tại biên lai thu tiền số 0005264 ngày 23/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị T2 tiếp tục phải nộp số tiền án phí 3.920.189 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

Anh Hà Mạnh T1 phải nộp 17.612.800 đồng (mười bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm đồng) án phí chia tài sản chung; 9.756.889 đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) tiền án phí thực hiện nghĩa vụ.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.693.500 đồng (mười triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005327 ngày 23/5/2023 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Lường Thị T2, anh Hà Mạnh T1, Ngân hàng A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Cẩm Phả**;**
- TAND tỉnh Q/N;
- CCTHADS TP Cẩm Phả;
- UBND p Cẩm Tây, TP Cẩm Phả, tỉnh QN;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ vụ án.

T.
TH